TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Quang Nghĩa**

Ông **Hồ Phi Công**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Vũ Thị Khánh Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 07/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2026 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Trúc Ly L,** sinh năm 2006 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, thành phố Đ.

Số CCCD: 075306018619 cấp ngày 10/12/2024

- *Bị đơn*: Anh **Đặng Quốc Thành L1,** sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, thành phố Đ

Số CCCD: 075091015126 cấp ngày 29/02/2024

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2026, trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Đỗ Trúc Ly L trình bày: Vào năm 2024, chị và anh Đặng Quốc T Luân tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã G, thành phố Đ). Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau từ

năm 2024 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Đặng Quốc Thành L1, do đó yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình làm việc bị đơn anh Đặng Quốc Thành L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Đỗ Trúc Ly L có đơn khởi kiện ly hôn với anh Đặng Quốc Thành L1, do đó xác định chị L là nguyên đơn, anh L1 là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Trúc Ly L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đặng Quốc Thành L1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh L1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Trúc Ly L và anh Đặng Quốc T Luân tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã G, thành phố Đ) do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị L cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Anh L1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, anh L1 biết việc ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh L1 không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Hơn nữa, hiện nay anh L1 vẫn cư trú tại địa phương, tuy nhiên anh chị không còn sống chung với nhau. Như vậy, chứng tỏ trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh L1

đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định pháp luật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Trúc Ly L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh L1 không có con chung, nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, anh L1 không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị L trình bày không có, anh L1 không có lời khai, nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Đỗ Trúc Ly L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 131, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Trúc Ly L ly hôn anh Đặng Quốc Thành L1.

2. Về con chung: Không có, không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Trúc Ly L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009846 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ) được chuyển thành án phí.

Chị Đỗ Trúc Ly L, anh Đặng Quốc Thành L1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố Đồng Nai;*
- *VKSND khu vực 6 - Đồng Nai;*
- *CCTHADS khu vực 6 - Đồng Nai;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi kết hôn;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa